

Số: /QĐ-UBND

Xuân Trúc, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình
Công trình: Sửa chữa đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ đầu làng thôn
Xuân Nguyên đến đường trục xã)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN TRÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công, xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 10/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; Số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Xuân Trúc: Số 252/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ đầu làng thôn Xuân Nguyên đến đường trục xã); số 255/QĐ-UBND ngày 24/08/2023 và quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình: Sửa chữa đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ đầu làng thôn Xuân Nguyên đến đường trục xã);

Căn cứ kết luận số 09/KL-TTr ngày 25/06/2024 của Chánh thanh tra huyện Ân Thi về việc thanh tra trách nhiệm của chủ tịch UBND xã trong việc thực hiện mua sắm, đầu tư xây dựng;

Căn cứ biên bản số 255/BB-TCKH ngày 12/10/2024 của phòng Tài chính-Kế hoạch về việc thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành, công trình: Sửa

chữa đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ đầu làng thôn Xuân Nguyên đến đường trục xã);

Xét đề nghị của công chức Tài chính – kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

1. Tên công trình: Sửa chữa đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ đầu làng thôn Xuân Nguyên đến đường trục xã);

2. Chủ đầu tư: UBND xã Xuân Trúc.

3. Địa điểm xây dựng: xã Xuân Trúc, Huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành: 2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

DVT: đồng

STT	Nội dung	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Chi phí quyết toán được duyệt
Tổng số (làm tròn)		3.761.774.000	3.394.302.000
1	Bồi thường, HT và TĐC		
2	Xây dựng	3.062.637.000	3.001.702.000
3	Thiết bị		
4	Quản lý dự án	83.809.000	83.809.000
5	Tư vấn	253.486.432	248.876.249
6	Chi phí khác	79.501.000	59.914.854
7	Dự phòng	282.340.568	

2. Vốn đầu tư

DVT: đồng

Nguồn vốn	TMĐT của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình,	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết

	hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối				toán được duyệt
1	2			4	5=3-4
Tổng số (làm tròn)	3.761.774.000	3.394.302.000	3.374.111.000	20.190.854	
Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	3.761.774.000	3.394.301.653	3.374.110.799	20.190.854	

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

DVT: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao đơn vị khác quản lý (nếu có)	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số	3.394.302.000			
1. Tài sản cố định	3.394.302.000			
2. Tài sản lưu động				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tắt toán chi phí và vốn đầu tư là:

DVT: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	3.394.302.000	
Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	3.394.302.000	

1.2. Các khoản công nợ tính đến thời điểm quyết toán

Tổng số vốn đã thanh toán: **3.374.110.799 đồng.**

Số nợ phải trả: **20.190.854 đồng.**

Số nợ phải thu: **0 đồng.**

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

DVT: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
UBND xã Xuân Trúc	3.394.302.000	

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận bàn giao sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Giá trị tài sản được phê duyệt làm căn cứ để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành đã quyết toán.

Điều 5. Công chức văn phòng – thống kê, cán bộ, công chức xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Như điều 5;
- Lưu: VP, HSCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Đắc Quý

PHỤ LỤC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo quyết định số 443 /QĐ-UBND ngày 15 / 11/2024 của UBND xã Xuân Trú)

Stt	Chi phí	Giá trị dự toán được duyệt (lần cuối)	Giá trị quyết toán
I	CHI PHÍ GPMB		
I	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG	3.062.637.000	3.001.702.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	83.809.000	83.809.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	253.486.432	248.876.279
1	Chi phí khảo sát địa chất	13.110.453	128.118.480
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	117.380.591	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ TC	5.371.387	10.423.363
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	5.245.001	
5	Chi phí lập HSMT đánh giá HSDT thi công XD	11.081.000	10.879.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	98.096.000	96.312.436
7	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	1.601.000	3.143.000
8	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	1.601.000	
IV	CHI PHÍ KHÁC	79.501.000	59.914.854
1	Chi phí bảo hiểm công trình	7.657.000	-
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	21.442.000	9.707.000
3	Chi phí nghiệm thu đường điện 0,4kv	7.151.000	10.483.854
4	Thí nghiệm điện chuyên ngành	3.019.000	
5	Chi phí ngừng và cấp điện trở lại	508.000	
6	Chi phí kiểm toán độc lập	39.724.000	39.724.000
V	DỰ PHÒNG PHÍ	282.340.568	-
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	282.340.568	-
Tổng cộng		3.761.774.000	3.394.301.653
Làm tròn		3.761.774.000	3.394.302.000